

| BẢNG TỔNG HỢP                                                                                                                        |                                   |                                                            |              |         |          |                   |                                            |                            |                             |                               |                                |                               |         |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------|---------|----------|-------------------|--------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|---------|
| Diện tích đất dự kiến thu hồi thực hiện dự án: 12 Trụ sở Công an xã thuộc Công an tỉnh Lai Châu (Hạng mục Trụ sở Công an xã Bình Lư) |                                   |                                                            |              |         |          |                   |                                            |                            |                             |                               |                                |                               |         |
| (Kèm theo Thông báo số:     /TB-UBND ngày     tháng     năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Tam Đường)                                |                                   |                                                            |              |         |          |                   |                                            |                            |                             |                               |                                |                               |         |
| STT                                                                                                                                  | Tên chủ sử dụng quản lý           | Địa chỉ chủ sử dụng                                        | Tờ bản đồ số | Số thửa | Loại đất | Diện tích thu hồi | Diện tích thu hồi chia ra làm các loại đất |                            |                             |                               |                                |                               | Ghi chú |
|                                                                                                                                      |                                   |                                                            |              |         |          |                   | Tổng                                       | Đất chuyên trồng lúa (LUC) | Đất trồng lúa còn lại (LUK) | Đất nuôi trồng thủy sản (NTS) | Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) | Đất công trình thủy lợi (DTL) |         |
|                                                                                                                                      | Đào Xuân Cường                    | Bản Thống Nhất, xã Bình Lư, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu | 48           | 583     | LUC      | 72,6              | 72,6                                       | 72,6                       |                             |                               |                                |                               |         |
|                                                                                                                                      |                                   |                                                            | 48           | 585     | NTS      | 178,8             | 178,8                                      |                            |                             | 178,8                         |                                |                               |         |
|                                                                                                                                      |                                   |                                                            | 48           | 587     | LUC      | 200,9             | 200,9                                      | 200,9                      |                             |                               |                                |                               |         |
|                                                                                                                                      |                                   |                                                            | 48           | 582     | LUC      | 36,2              | 36,2                                       | 36,2                       |                             |                               |                                |                               |         |
| 1                                                                                                                                    | Tổng                              |                                                            |              |         |          | 488,5             | 488,5                                      | 309,7                      | -                           | 178,8                         | -                              | -                             |         |
|                                                                                                                                      | Phạm Văn Thanh, Nguyễn Thị Hiền   | Bản Km 2, xã Bình Lư, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu       | 48           | 584     | LUC      | 429,9             | 429,9                                      | 429,9                      |                             |                               |                                |                               |         |
| 2                                                                                                                                    | Tổng                              |                                                            |              |         |          | 429,9             | 429,9                                      | 429,9                      | -                           | -                             | -                              | -                             |         |
|                                                                                                                                      | Đặng Văn Thường, Trần Thị Hương   | Bản Tòng Păn, xã Bình Lư, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu   | 48           | 581     | LUC      | 205,0             | 205,0                                      | 205,0                      |                             |                               |                                |                               |         |
| 3                                                                                                                                    | Tổng                              |                                                            |              |         |          | 205,0             | 205,0                                      | 205,0                      | -                           | -                             | -                              | -                             |         |
|                                                                                                                                      | Hoàng Văn Hiện, Trần Thị Bích Mến | Bản Km 2, xã Bình Lư, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu       | 48           | 586     | LUC      | 1.071,5           | 1.071,5                                    | 1.071,5                    |                             |                               |                                |                               |         |
| 4                                                                                                                                    | Tổng                              |                                                            |              |         |          | 1.071,5           | 1.071,5                                    | 1.071,5                    | -                           | -                             | -                              | -                             |         |
|                                                                                                                                      | Đặng Trung Văn, Bùi Thuý Thị      | Bản Thống Nhất, xã Bình Lư, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu | 48           | 591     | LUC      | 117,7             | 117,7                                      |                            | 117,7                       |                               |                                |                               |         |
| 5                                                                                                                                    | Tổng                              |                                                            |              |         |          | 117,7             | 117,7                                      | -                          | 117,7                       | -                             | -                              | -                             |         |
|                                                                                                                                      | UBND xã Bình Lư                   | Bản Thống Nhất, xã Bình Lư, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu | 48           | 589     | NTS      | 269,3             | 269,3                                      |                            |                             | 269,3                         |                                |                               |         |
|                                                                                                                                      |                                   |                                                            | 48           | 590     | DCS      | 110,4             | 110,4                                      |                            |                             |                               | 110,4                          |                               |         |
|                                                                                                                                      |                                   |                                                            | 48           | 588     | DTL      | 110,7             | 110,7                                      |                            |                             |                               |                                | 110,7                         |         |
| 6                                                                                                                                    | Tổng                              |                                                            |              |         |          | 490,4             | 490,4                                      | -                          | -                           | 269,3                         | 110,4                          | 110,7                         |         |
| Tổng                                                                                                                                 |                                   |                                                            |              |         |          | 2.803,0           | 2.803,0                                    | 2.016,1                    | 117,7                       | 448,1                         | 110,4                          | 110,7                         |         |